

Bản án số: 02/2026/DS-ST  
Ngày: 12-01-2026  
V/v tranh chấp yêu cầu công nhận di  
chức hợp pháp và tranh chấp về thừa  
kế tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Quang Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng  
Bà Lê Thị Hồng Trinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Văn Dương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2021/TLST-DS ngày 13/5/2021, về việc "*Tranh chấp yêu cầu công nhận di chức hợp pháp và tranh chấp về thừa kế tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 468/2024/QĐXXST-DS ngày 27/12/2024, Thông báo chuyển ngày xét xử số 16/TB-TA ngày 15/01/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 39/2025/QĐST-DS ngày 21/02/2025, Thông báo mở lại phiên tòa số 21/TB-TA ngày 01/10/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2025/QĐST-DS ngày 31/10/2025, Thông báo chuyển ngày xét xử số 98/TB-TA ngày 14/11/2025, Thông báo chuyển ngày xét xử số 36/TB-TA ngày 10/12/2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phan Trần T, sinh năm 1995; cư trú tại: Thôn T, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Luật sư Trần Đức Nh - Văn phòng luật sư C, địa chỉ: Số 44 L, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Tấn Th1, sinh năm 1962; cư trú tại: 2.26 Lô A Chung cư L, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phan Th3, sinh năm 1978; cư trú tại: Số 37A đường số X, tổ 7, khu phố Y, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Phan Tấn D, sinh năm 1954; cư trú tại: Thôn C, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Phan Thị Th4, sinh năm 1967; cư trú tại: Xóm 2, thôn P, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Trần Thị H, sinh năm 1973; cư trú tại: Thôn T, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa: Ông T, bà H, Luật sư Nhân có mặt; ông Th3, bà Th4, ông D có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Th1 vắng mặt nhiều lần không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phan Trần T trình bày:*

Ông bà nội của ông là cụ Phan Ch (chết năm 2011) và cụ bà Trần Thị L (chết năm 2020) sinh được 03 người con chung là Phan Th3, Phan Th2 (chết năm 2003), Phan Thị Th4. Ông nội Phan Ch có con riêng là Phan Tấn D, bà nội Trần Thị L có con riêng là Nguyễn Tấn Th1. Ngoài những người con này thì cụ Ch và cụ L không có con nuôi, con riêng nào khác.

Cha ông là ông Phan Th2 có tổ chức đám cưới với mẹ ông là bà Trần Thị H nhưng không đăng ký kết hôn và sinh được một người con duy nhất là ông, ngoài ra không còn người con riêng hay con nuôi nào khác. Ông Phan Th2 chết không để lại di chúc.

Cụ ông Phan Ch và cụ bà Trần Thị L có tạo lập được một khối tài sản chung là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.200m<sup>2</sup> và thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.220m<sup>2</sup> tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi, được UBND huyện T cấp chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 778533, số vào sổ 00539 cho hộ ông Phan Ch vào ngày 17/12/1997, trong đó thửa đất 102 có ghi “Đất cấp theo ND64/CP”, thời hạn sử dụng đến tháng 12 năm 2017.

Tại thời điểm ngày 17/12/1997, hộ ông Phan Ch gồm có 04 nhân khẩu là ông Phan Ch, bà Trần Thị L, ông Phan Th2, ông Phan Th3.

Ngày 23/11/2002, cụ Phan Ch và cụ Trần Thị L lập di chúc để lại quyền sử dụng thửa đất số 16 cho ông Phan Th3, còn thửa đất số 102 thì khi nào ông trưởng thành sẽ giao lại cho ông quản lý, sử dụng. Di chúc được lập hợp pháp và đã được Chủ tịch UBND xã N chứng thực cùng ngày 23/11/2002, số chứng thực 13, quyền số 01TP/CC-STP/DCTC.

Ngày 09/8/2010, cụ Phan Ch và cụ Trần Thị L có đơn đề nghị cấp đổi - cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 16, tờ bản đồ số 01 và sau đó được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông

Phan Ch và bà Trần Thị L vào ngày 25/11/2021 tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 10, diện tích 1176,1m<sup>2</sup>, xã N, huyện T (xã A), tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi ông bà nội chết, ông Phan Th3 đã thực hiện khai nhận di sản đối với thửa đất số 53, tờ bản đồ số 10 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Th3 theo đúng nội dung Di chúc ngày 23/11/2002. Đến ngày 28/12/2020, ông Phan Th3 đã lập Văn bản từ chối nhận di sản đối với phần di sản ông Th3 được hưởng của cụ Phan Ch và cụ Trần Thị L để lại tại thửa đất số 102, được Văn phòng công chứng Thủy Tùng công chứng.

Hiện nay, ông đã trưởng thành nên tiến hành thực hiện kê khai để nhận di sản theo di chúc của cụ Phan Ch và cụ Trần Thị L đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi), nhưng ông Nguyễn Tấn Th1 liên tục gửi đơn khiếu nại đến UBND xã N (cũ) và đơn đề nghị đến Văn phòng công chứng để cản trở ông thực hiện việc khai nhận di sản thừa kế của ông bà nội để lại.

Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu công nhận Di chúc lập ngày 23/11/2002 của cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L được UBND xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi chứng thực số 13, quyền số 01TP/CC-SCT/DCTC là hợp pháp.

- Chia thừa kế cho ông Phan Trần T nhận thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 1.187m<sup>2</sup>, tại xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi theo Di chúc lập ngày 23/11/2002 của cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L.

Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi là Đất cấp theo Nghị định 64/CP cho cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L, ông Phan Th2, ông Phan Th3. Trong đó: Cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L đã lập di chúc để lại thửa đất cho ông; ông là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất duy nhất của cha ông là ông Phan Th2; ông Phan Th3 có văn bản trình bày không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với phần đất ông Th3 được phân theo Nghị định 64/CP và thống nhất giao toàn bộ thửa đất 102 cho ông quản lý, sử dụng. Vì vậy, ông xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

- Công nhận Di chúc lập ngày 23/11/2002 của cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L được UBND xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi chứng thực số 13, quyền số 01TP/CC-SCT/DCTC là hợp pháp.

- Chia thừa kế theo Di chúc lập ngày 23/11/2002 của cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của ông Phan Th2 cho ông Phan Trần T nhận thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 1.187m<sup>2</sup>, tại xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi.

*Tại các văn bản trình bày ý kiến, bị đơn là ông Nguyễn Tấn Th1 trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi không phải của ông Phan Ch và bà Trần Thị L tạo lập, mà là của bà ngoại ông là cụ Nguyễn Thị M mua lại của cụ Nguyễn Lai để sau này giao lại cho ông làm nhà thờ dòng họ. Cụ Nguyễn Thị M có viết giấy tay giao thửa đất

lại cho ông Ch, bà L giữ canh tác, chờ đến khi nào ông trưởng thành sẽ bàn giao lại cho ông. Tuy nhiên, sau đó ông Ch đã không bàn giao lại giấy tờ viết tay của cụ M mà làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đứng tên ông Ch. Do đó, Di chúc lập ngày 23/11/2002 của ông Phan Ch, bà Trần Thị L lập có nội giao lại thửa đất 102 cho ông Phan Trần T là không hợp pháp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Tấn D có văn bản trình bày:*

Ngày 05/3/2021 ông đã lập Văn bản từ chối nhận di sản đối với phần di sản thừa kế ông được hưởng của cụ Phan Ch và cụ Trần Thị L để lại tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, được Văn phòng công chứng Thủy Tùng công chứng.

Việc ông Phan Trần T yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của ông Phan Ch và bà Trần Thị L để lại đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi thì ông không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Th4 có văn bản trình bày:*

Cha mẹ bà là cụ Phan Ch (chết 2011) và cụ Trần Thị L (chết 2020) sinh được 03 người con là bà (Phan Thị Thủy), Phan Th3 và Phan Th2 (chết 2003). Ngoài ra, cha bà có người con riêng là ông Phan Tấn D, mẹ bà cũng có người con riêng là Nguyễn Tấn Th1. Ông Phan Th2 chết, có vợ là bà Trần Thị H và con là Phan Trần T.

Sinh thời, cha mẹ bà tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 16, diện tích 1.200m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 1 và thửa đất số 102, diện tích 1.220m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 2, đều thuộc xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Hai thửa đất này được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/12/1997 cho hộ gia đình ông Phan Ch. Tại thời điểm cân đối và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP thì bà đã có chồng và đã chuyển hộ khẩu về nơi ở của chồng tại thôn P, xã N, huyện T nên bà không có quyền lợi gì đối với 02 thửa đất đã nêu.

Trước khi chết, vào ngày 23/11/2002 cha mẹ bà đã lập di chúc để lại thửa đất số 16, diện tích 1.200m<sup>2</sup> cho ông Phan Th3; còn thửa đất số 102, diện tích 1.220m<sup>2</sup> cho để lại Phan Trần T (con của ông Phan Th2). Do Phan Trần T còn nhỏ nên ông Phan Th3 quản lý, sử dụng và có trách nhiệm chuyển giao lại thửa đất số 102 cho cháu Phan Trần T khi cháu T trưởng thành. Sau khi cha mẹ bà qua đời, ông Phan Th3 đã khai nhận di sản và đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo Di chúc đối với thửa đất số 16, diện tích 1.200m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 1 (nay là thửa số 53, diện tích 1.176m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 10, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi).

Đối với thửa đất số 102, nay cháu Phan Trần T đã trưởng thành, có gia đình riêng và những người có quyền lợi đối với phần đất cân đối theo Nghị định 64/CP đã có văn bản từ chối nhận di sản, nên cháu T thực hiện việc khai nhận di

sản và làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 102, diện tích 1.220m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 2, xã N, thành phố Q, theo di chúc ngày 23/11/2002 là đúng ý nguyện của cha mẹ bà và phù hợp với quy định pháp luật. Bà không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với thửa đất 102.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Th3 có văn bản trình bày:*

Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.220m<sup>2</sup>, tại xã N, huyện Tư Nghĩa (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi do cha mẹ ông là cụ Phan Ch (chết năm 2011), cụ Trần Thị L (chết năm 2020) tạo lập.

Cha mẹ ông có lập Di chúc lập ngày 23/11/2002 được UBND xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi chứng thực số 13, quyền số 01TP/CC-SCT/DCTC để lại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.220m<sup>2</sup>, tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi cho cháu ông là Phan Trần T - con của ông Phan Th2 (trong Di chúc ghi nhầm là Phan T). Ông thống nhất với Di chúc của cha mẹ ông lập về việc để lại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.220m<sup>2</sup>, tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi cho cháu Phan Trần T.

Cháu Phan Trần T là con của ông Phan Th2 và bà Trần Thị H nhưng không đăng ký kết hôn. Ông Phan Th2 không còn người con nào khác.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.220m<sup>2</sup>, tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi được UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 17/12/1997 đứng tên hộ Phan Ch, có ghi Đất cấp theo Nghị định 64/CP.

Ông đã lập Văn bản từ chối nhận di sản ngày 28/12/2020 từ chối nhận di sản thừa kế được hưởng của cụ Phan Ch và cụ Trần Thị L tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.220m<sup>2</sup>, tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ông xác định ông không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với phần đất ông được cân đối theo Nghị định 64/CP tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.220m<sup>2</sup>, tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi. Ông thống nhất giao toàn bộ thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.220m<sup>2</sup>, tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho cháu Phan Trần T quản lý, sử dụng.

Nay, cháu Phan Trần T đã trưởng thành, do đó ông thống nhất giao lại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.220m<sup>2</sup>, tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi cho cháu Phan Trần T được quyền quản lý, sử dụng theo đúng ý chí của cha mẹ ông trong Di chúc. Nhưng về sau, cháu T phải có trách nhiệm lo hương hỏa cho ông bà ngoại và không được tranh chấp thửa đất số 53, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.176,1m<sup>2</sup>.

Ông thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cháu Phan Trần T về việc công nhận Di chúc lập ngày 23/11/2002 của cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L được UBND xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi chứng thực số 13, quyền số 01TP/CC-SCT/DCTC là hợp pháp; Chia thừa kế thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.220m<sup>2</sup>, tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi cho ông Phan Trần T.

*Tại văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H trình bày:*

Bà và ông Phan Th2 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 1982, nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà và ông Th2 sinh được một người con duy nhất là ông Phan Trần T, ngoài ra không còn người con riêng hay con nuôi nào khác. Ông Phan Th2 chết không để lại di chúc. Vì bà và ông Th2 không đăng ký kết hôn nên bà không có bất kỳ quyền lợi hay yêu cầu gì đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi. Trường hợp bà có quyền lợi đối với thửa đất này thì bà cũng yêu cầu tòa án giao cho ông Phan Trần T nhận.

*Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:*

Cụ Phan Ch và cụ Trần Thị L có tạo lập được một khối tài sản chung là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.200m<sup>2</sup> và thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.220m<sup>2</sup> tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi, được UBND huyện T cấp chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 778533, số vào sổ 00539 cho hộ ông Phan Ch vào ngày 17/12/1997, trong đó thửa đất 102 có ghi “Đất cấp theo ND64/CP”, thời hạn sử dụng đến tháng 12 năm 2017.

Ngày 23/11/2002, cụ Phan Ch và cụ Trần Thị L lập Di chúc để lại quyền sử dụng thửa đất số 16 cho ông Phan Th3, còn thửa đất số 102 thì khi nào ông Phan Trần T trưởng thành sẽ giao lại cho ông T quản lý, sử dụng. Di chúc được lập hợp pháp và đã được Chủ tịch UBND xã N chứng thực cùng ngày 23/11/2002, số chứng thực 13, quyền số 01TP/CC-STP/DCTC nên di chúc này là hợp pháp.

Ngày 28/12/2020, ông Phan Th3 đã lập Văn bản từ chối nhận di sản đối với phần di sản ông Th3 được hưởng của cụ Phan Ch và cụ Trần Thị L để lại tại thửa đất số 102, được Văn phòng công chứng Thủy Tùng công chứng.

Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi là Đất cấp theo Nghị định 64/CP cho cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L, ông Phan Th2, ông Phan Th3. Cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L đã lập di chúc để lại thửa đất 102 cho ông Phan Trần T; ông T là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất duy nhất của cha ông là ông Phan Th2 (ông Phan Th2 không đăng ký kết hôn với bà Trần Thị H, chỉ có một người con duy nhất là ông T); ông Phan Th3 có văn bản trình bày không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với phần đất ông Th3 được phân theo Nghị định 64/CP và thống nhất giao toàn bộ thửa đất 102 cho ông T được quyền quản lý, sử dụng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trần T về việc:

- Công nhận Di chúc lập ngày 23/11/2002 của cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L được UBND xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi chứng thực số 13, quyền số 01TP/CC-SCT/DCTC là hợp pháp.

- Chia thừa kế theo Di chúc lập ngày 23/11/2002 của cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của ông Phan Th2

cho ông Phan Trần T nhận thừa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 1.187m<sup>2</sup>, tại xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực I - Quảng Ngãi:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn ông Phan Trần T, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Tấn Th1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Th3, ông Phan Tấn D, bà Phan Thị Th4 chấp hành không đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 15/12/2025, nguyên đơn ông Phan Trần T có Đơn trình bày yêu cầu bổ sung về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất được phân theo Nghị định 64/CP của ông Phan Th2 (cha ông T) để lại tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02 tại xã A, tỉnh Quảng Ngãi. Yêu cầu này của nguyên đơn nằm trong phạm vi khởi kiện nên cần thay đổi quan hệ pháp luật tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Trần T.

+ Xác định Di chúc ngày 23/11/2002 được chứng thực tại UBND xã N, huyện T (nay là xã A, tỉnh Quảng Ngãi) có hiệu lực đối với phần diện tích 1.088,08m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02 (diện tích đo đạc thực tế 1.187m<sup>2</sup>, loại đất: LNK) tại xã A, tỉnh Quảng Ngãi. Ông Phan Trần T được thừa kế phần diện tích 1.088,08m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, diện tích đo đạc thực tế 1.187m<sup>2</sup> (loại đất: LNK), xã A, tỉnh Quảng Ngãi theo hiệu lực của di chúc.

+ Ông Phan Trần T được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản do ông Phan Th2 để lại đối với phần không có hiệu lực của di chúc, cụ thể là phần diện tích 98,92m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, diện tích đo đạc thực tế 1.187m<sup>2</sup> (loại đất: LNK), xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí trên phần di sản được nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực I - Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Phan Trần T khởi kiện tranh chấp thừa kế đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2 tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là thửa đất 102). Do đó, căn cứ Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân

sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp và tranh chấp về thừa kế tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

[1.2] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Phan Trần T yêu cầu chia thừa kế theo Di chúc lập ngày 23/11/2002 của cụ Phan Ch và cụ Trần Thị L. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Trần T xác định thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2 tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi là đất cấp theo Nghị định 64/CP cho cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L, ông Phan Th3 và ông Phan Th2 (cha của nguyên đơn, chết năm 2003). Do đó, ông T xác định lại yêu cầu khởi kiện là chia thừa kế theo di chúc và chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 102 là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tấn Th1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Th3, ông Phan Tấn D, bà Phan Thị Th4 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

## [2] Về nội dung:

[2.1] Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.220m<sup>2</sup>, tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Ch vào ngày 17/12/1997 thể hiện thời hạn sử dụng đất đến tháng 12/2017. Tính đến thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì thời hạn sử dụng đất đã hết.

Tại Công văn số 2070/CNTQN ngày 19/6/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh thành phố Q (BL 149) cung cấp thông tin: Cá nhân, hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi hết thời hạn sử dụng đất được tiếp tục sử dụng mà không cần làm thủ tục điều chỉnh thời hạn sử dụng đất. Trường hợp, nếu hộ ông Phan Ch có nhu cầu thực hiện thủ tục điều chỉnh thời hạn sử dụng đất thì đề nghị liên hệ đến UBND xã N để được hướng dẫn.

## [2.2] Về quan hệ huyết thống:

Các đương sự đều thống nhất trình bày cụ Phan Ch (chết năm 2011) và cụ Trần Thị L (chết năm 2020) sinh được 03 người con chung là ông Phan Th3, ông Phan Th2 (chết năm 2003), bà Phan Thị Thủy. Cụ Phan Ch có con riêng là ông Phan Tấn D, cụ Trần Thị L có con riêng là ông Nguyễn Tấn Th1. Ngoài những người con này thì cụ Ch và cụ L không có con nuôi, con riêng nào khác.

## [2.3] Xác định di sản thừa kế:

Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.220m<sup>2</sup>, (loại đất: LN-K, thời hạn sử dụng: tháng 12/2017, tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi được UBND huyện Tư Nghĩa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Ch vào ngày 17/12/1997, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi *Đất cấp theo ND 64/CP*. Tại Văn bản số 143/UBND ngày 22/5/2023 của

UBND xã N (nay là xã A) cung cấp thông tin: Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2 xã N được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thống nhất cấp cho hộ ông Phan Ch tại Biên bản ngày 12/6/1997 và 13/6/1997 họp xét đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đợt II năm 1997 theo Nghị định 64/CP của Chính phủ (BL 71). Như vậy, có căn cứ xác định thửa đất 102 được cân đối theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Phan Ch vào ngày 17/12/1997.

Tại văn bản số 3169/CATP(QLHC) ngày 05/10/2023 của Công an thành phố Q (BL 108) cung cấp thông tin: Theo hồ sơ hộ khẩu số 936 - xã N, thành phố Q thể hiện thời điểm ngày 17/12/1997 gồm: Phan Ch (chủ hộ), Trần Thị L (vợ chủ hộ), Phan Th2 (con chủ hộ), Phan Th3 (con chủ hộ). Do đó, có căn cứ xác định thửa đất 102 được cân đối theo Nghị định 64/CP cho 04 người là Phan Ch, Trần Thị L, Phan Th2, Phan Th3.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tấn Th1 có văn bản trình bày cho rằng thửa đất 102 không phải của Phan Ch, bà Trần Thị L tạo lập mà có nguồn gốc của bà ngoại ông Th1 là cụ Nguyễn Thị M (mẹ của bà Trần Thị L) mua lại của cụ Nguyễn Lai để sau này giao lại cho ông Th1 làm nhà thờ dòng họ. Cụ Nguyễn Thị M có viết giấy tay giao thửa đất lại cho ông Ch, bà L giữ canh tác, chờ đến khi nào ông Th1 trưởng thành sẽ bàn giao lại cho ông Th1. Tuy nhiên, sau đó ông Ch đã không bàn giao lại giấy tờ viết tay của cụ M mà làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đứng tên ông Ch. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có Thông báo cho ông Nguyễn Tấn Th1 có ý kiến và trình bày yêu cầu đối với Di chúc lập ngày 23/11/2002 của cụ Ch, cụ L và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh rằng thửa đất 102 là do cụ Nguyễn Thị M mua lại của cụ Nguyễn Lai để sau này giao lại cho ông Th1 làm nhà thờ dòng họ, tuy nhiên ông Th1 không có đơn yêu cầu và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ. Do đó, lời trình bày của ông Th1 là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

Theo kết quả đo đạc do Chi nhánh Công ty TNHH Trắc địa bản đồ Nhật Tuấn tại Quảng Ngãi cung cấp thì thửa đất 102 có diện tích đo đạc thực tế là 1.187m<sup>2</sup>, được cân đối theo Nghị định 64/CP cho 04 người là Phan Ch, Trần Thị L, Phan Th2, Phan Th3. Tuy nhiên, ông Phan Th3 có văn bản trình bày ông Th3 không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với phần đất ông Th3 được cân đối theo Nghị định 64/CP tại thửa đất 102. Như vậy, cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L, ông Phan Th2 mỗi người được cân đối 395,67m<sup>2</sup> đất theo Nghị định 64/CP tại thửa đất 102.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Th3, ông Phan Tấn D, bà Phan Thị Th4 đều trình bày thống nhất giao toàn bộ thửa đất 102 cho ông Phan Trần T được quyền quản lý, sử dụng theo như ý nguyện của cụ Ch, cụ L lập tại Di chúc.

Ông Phan Th2 chết năm 2003. Tại Giấy khai sinh của ông Phan Trần T (BL 12) thể hiện thông tin cha là Phan Th2, mẹ là Trần Thị H. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị H trình bày: Phan Trần T là con duy nhất của bà với ông Phan Th2, bà và ông Th2 được gia đình hai bên tổ chức đám cưới năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn, nên bà không có bất kỳ quyền lợi hay yêu

cầu gì đối với thửa đất 102, trường hợp bà có quyền lợi thì bà cũng đồng ý giao cho ông Phan Trần T nhận. Còn tại Biên bản làm việc ngày 25/9/2025 UBND xã A cung cấp thông tin: UBND xã không lưu trữ thông tin ông Phan Th2 có đăng ký kết hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận ông Phan Trần T là con của ông Phan Th2 và bà Trần Thị H, không có đương sự nào có ý kiến cho rằng ông Phan Th2 còn có người con khác ngoài ông Phan Trần T. Thấy rằng, ông Phan Th2 chết năm 2003 (chết trước cụ Ch và cụ L) nên phần di sản của ông Th2 để lại trong thửa đất 102 được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L, ông Phan Trần T, mỗi người sẽ được chia  $131,89\text{m}^2$  ( $395,67\text{m}^2 : 3$ ). Như vậy, ngoài phần đất đất được cân đối theo Nghị định 64/CP trong thửa đất 102 thì cụ Ch, cụ L mỗi người còn nhận được  $131,89\text{m}^2$  thừa kế theo pháp luật của ông Phan Th2, tổng cộng là  $527,56\text{m}^2$ . Như vậy, xác định di sản thừa kế của cụ Ch và cụ L tại thửa đất 102 là  $1.055,12\text{m}^2$  đất LN-K.

Theo kết quả chứng thư thẩm định giá tài sản, giá trị thửa đất 102 là: 1.541.769.373 đồng ( $1.298.879 \text{ đồng/m}^2 \times 1.187\text{m}^2$ ).

[2.4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Trần T thì thấy:

[2.4.1] Ngày 23/11/2002, cụ Phan Ch và cụ Trần Thị L lập Di chúc có nội dung: Cụ Ch và cụ L thống nhất giao trọn quyền sử dụng thửa đất số 16, tờ bản đồ số 1, diện tích  $1.200\text{m}^2$  đã xây một ngôi nhà cấp 4 và thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích  $1.220\text{m}^2$  cho con trai Phan Th3. Riêng thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích  $1.220\text{m}^2$  khi cháu Phan T trưởng thành (có gia đình riêng) thì con trai Phan Th3 phải chuyển mảnh đất này cho Phan T sử dụng và có trách nhiệm thờ cúng ông bà họ Nguyễn. Di chúc đã được UBND xã N chứng thực cùng ngày 23/11/2002. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Th3 trình bày thống nhất giao lại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích  $1.220\text{m}^2$ , tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi cho ông Phan Trần T được quyền quản lý, sử dụng theo đúng ý chí của cha mẹ ông trong Di chúc.

Di chúc ngày 23/11/2002 thể hiện cụ Ch, cụ L để lại thừa kế thửa đất 102 cho ông Phan T, còn nguyên đơn trong vụ án là ông Phan Trần T. Thấy rằng, tại Đơn trình bày ngày 10/12/2025 của ông Phan Trần T được ông Trần Việt M (nguyên là chủ tịch UBND xã N tại thời điểm chứng thực Di chúc) xác nhận ông Minh là người đã chứng thực Di chúc của ông Ch, bà L để lại thửa đất 102 cho cháu nội là Phan Trần T nhưng do sai sót đánh máy nên ghi Phan T. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không ai có ý kiến cho rằng nguyên đơn ông Phan Trần T với Phan T trong Di chúc không phải là cùng một người. Do đó, có căn cứ xác định ông Phan T trong Di chúc và nguyên đơn ông Phan Trần T là cùng một người.

[2.4.2]. Như đã nhận định tại phần [2.3], di sản thừa kế của cụ Ch và cụ L chỉ có  $1.055,12\text{m}^2$  tại thửa đất 102, nên cụ Ch và cụ L chỉ được quyền định đoạt đối  $1.055,12\text{m}^2$  của thửa đất 102. Tuy rằng Di chúc ngày 23/11/2002 của cụ Ch, cụ L đã định đoạt giao toàn bộ thửa đất 102 cho ông Phan Trần T là vượt quá

quyền định đoạt của cụ Ch, cụ L; tuy nhiên, đối với phần vượt quá của di chúc là 131,89m<sup>2</sup> cũng được chia thừa kế theo pháp luật cho ông Phan Trần T. Mặt khác, ông Phan Trần T cũng thống nhất với nội dung của Di chúc ngày 23/11/2002 của cụ Ch, cụ L. Thấy rằng, Di chúc do cụ Phan Ch và cụ Trần Thị L lập ngày 23/11/2002, được UBND xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi chứng thực; tại thời điểm lập di chúc, cụ Phan Ch và cụ Trần Thị L còn minh mẫn, việc lập di chúc là tự nguyện, không bị ai ép buộc, nội dung di chúc phù hợp với quy định pháp luật nên Di chúc do cụ Phan Ch và cụ Trần Thị L lập ngày 23/11/2002 là đúng quy định về thẩm quyền, hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 24, 43, 50 của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực. Vì vậy, ông Phan Trần T yêu cầu công nhận Di chúc lập ngày 23/11/2002 của cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L được UBND xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi chứng thực số 13, quyển số 01TP/CC-SCT/DCTC là hợp pháp là có căn cứ, được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Trần T, chia thừa kế thừa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 1.187m<sup>2</sup>, loại đất: LN-K, tại xã N, huyện T (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi cho ông Phan Trần T.

Ông Phan Trần T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.5] Về án phí sơ thẩm:

Ông Phan Trần T phải chịu án phí đối với di sản thừa kế được chia là 36.000.000 đồng + (3% x 741.769.373 đồng) = 58.253.081 đồng.

[2.6] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, chi phí đo đạc là 6.500.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản là 9.000.000 đồng, tổng cộng là 18.500.000 đồng, ông Phan Trần T tự nguyện chịu. Ông T đã nộp và chi xong.

[2.7] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.8] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 157, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 646, 648, 650, 652, 653, 663 Bộ luật Dân sự 2005;

Các Điều 212, 219, 609, 612, 626, 628, 630, 631, 635, 636, 643, 650, 651, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 100, 166, 167 Luật đất đai 2013;

Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trần T về việc:

1.1. Công nhận Di chúc lập ngày 23/11/2002 của cụ Phan Ch và cụ Trần Thị L được UBND xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi chứng thực số 13, quyền số 01TP/CC-SCT/DCTC là hợp pháp.

1.2. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Th2 là cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L, ông Phan Trần T.

1.3. Xác định di sản của ông Phan Th2 là diện tích đất 395,67m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 1.187m<sup>2</sup>, loại đất LN-K, tại xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi.

1.4. Xác định di sản của cụ Phan Ch và cụ Trần Thị L là diện tích đất 1.055,12m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 1.187m<sup>2</sup>, loại đất LN-K, tại xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi.

1.5. Chia thừa kế thừa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 1.187m<sup>2</sup>, loại đất LN-K, tại xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi cho ông Phan Trần T, cụ thể:

- Ông Phan Trần T được chia thừa kế theo di chúc đối với phần diện tích đất 1.055,12m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 1.187m<sup>2</sup>, loại đất LN-K, tại xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi theo hiệu lực của Di chúc lập ngày 23/11/2002 của cụ Phan Ch, cụ Trần Thị L.

- Ông Phan Trần T được chia thừa kế theo pháp luật đối với phần diện tích đất 131,89m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 1.187m<sup>2</sup>, loại đất LN-K, tại xã N, thành phố Q (nay là xã A), tỉnh Quảng Ngãi là di sản thừa kế của ông Phan Th2.

*(Có sơ đồ kèm theo bản án).*

Ông Phan Trần T có trách nhiệm đến các cơ quan có thẩm quyền kê khai đề được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về án phí:

Ông Phan Trần T phải chịu 58.253.081 đồng (Năm mươi tám triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, không trăm tám mươi một) đồng án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 12.336.000 (Mười hai triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa

án số 0006889 ngày 12/5/2021 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000935 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ngãi). Ông T còn phải nộp 45.917.081 (Bốn mươi lăm triệu, chín trăm mười bảy nghìn, không trăm tám mươi một) đồng án phí sơ thẩm.

**3. Về chi phí tố tụng:**

Ông Phan Trần T tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, chi phí đo đạc là 6.500.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản là 9.000.000 đồng, tổng cộng là 18.500.000 đồng. Ông T đã nộp và chi xong.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4. Quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Đỗ Quang Hải**